

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công nhận tốt nghiệp đại học và cấp bằng cho sinh viên

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học, ban hành kèm theo Quyết định số 3796/QĐ-ĐHCT, ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Biên bản xét tốt nghiệp số 01/BB-ĐHCT, 02/BB-ĐHCT, 03/BB-ĐHCT, 04/BB-ĐHCT, 05/BB-ĐHCT, 06/BB-ĐHCT ngày 10/01/2024, của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp hệ VLVH năm 2024 của Trường Đại học Cần Thơ;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Liên kết Đào tạo.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay công nhận tốt nghiệp đại học và cấp bằng cho 58 sinh viên hình thức Vừa làm vừa học do Trường Đại học Cần Thơ đào tạo tại các đơn vị:

|                                                   |               |
|---------------------------------------------------|---------------|
| - Trường Đại học Bạc Liêu                         | 01 sinh viên; |
| - Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp             | 02 sinh viên; |
| - Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ      | 08 sinh viên; |
| - Trường Cao đẳng Cộng đồng Cà Mau                | 01 sinh viên; |
| - Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ     | 06 sinh viên; |
| - Trường Đại học Cần Thơ                          | 26 sinh viên; |
| - Trường Đại học Tiền Giang                       | 01 sinh viên; |
| - Trung tâm Giáo dục Thường xuyên tỉnh Kiên Giang | 01 sinh viên; |
| - Trường Cao đẳng Kiên Giang                      | 01 sinh viên; |
| - Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An      | 01 sinh viên; |
| - Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng             | 04 sinh viên; |
| - Trường Cao đẳng Luật miền Nam                   | 04 sinh viên; |
| - Trường Cao đẳng Vĩnh Long                       | 02 sinh viên; |

(Danh sách kèm theo)

**Điều 2.** Các chế độ, quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên tại Trường Đại học Cần Thơ được dùng kể từ ngày ký quyết định.

**Điều 3.** Ông Giám đốc Trung tâm Liên kết Đào tạo Trường Đại học Cần Thơ, Hiệu trưởng(Giám đốc) các đơn vị liên kết đào tạo thuộc điều 1, thủ trưởng các đơn vị thuộc Trường có liên quan và các sinh viên có tên căn cứ quyết định thi hành ./.

Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Các Khoa liên quan (để biết);
- Lưu: VT, TT.LKĐT/ĐHCT.



**HIỆU TRƯỞNG**

Trần Trung Tính



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN HẸ VỪA LÀM VỪA HỌC TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 01/2024**

(Kèm theo Quyết định số: 91 QĐ-DHCT ký ngày 11 tháng 01 năm 2024)

| Stt | MSSV       | Họ tên                  | Ngày sinh  | Nữ | Lớp      | Tên ngành           | Xếp loại   |
|-----|------------|-------------------------|------------|----|----------|---------------------|------------|
| 1   | CB21V1Q044 | Phạm Thị Kiều Trân      | 05/05/1991 | N  | CB21V1Q1 | Ngôn ngữ Anh        | Giỏi       |
| 2   | CD2073H002 | Huỳnh Lê Duy Tân        | 19/06/1992 |    | CD2073H1 | Bảo vệ thực vật     | Khá        |
| 3   | CK1967K518 | Trần Hùng Quý           | 07/03/1998 |    | CK1967K1 | Thú y               | Khá        |
| 4   | CK19V7K511 | Nguyễn Huỳnh Lập Huy    | 06/02/1998 |    | CK19V7K1 | Công nghệ thông tin | Trung bình |
| 5   | CK2022K014 | Huỳnh Phước Khải        | 13/08/1987 |    | CK2022K1 | Quản trị kinh doanh | Khá        |
| 6   | CK2067K010 | Võ Thành Hưng           | 04/08/1993 |    | CK2067K1 | Thú y               | Khá        |
| 7   | CK20V7K003 | Đào Hoàng Dự            | 08/08/1994 |    | CK20V7K1 | Công nghệ thông tin | Trung bình |
| 8   | CK20V7K020 | Ngô Ngọc Sơn            | 09/08/1999 |    | CK20V7K1 | Công nghệ thông tin | Trung bình |
| 9   | CK21V7K024 | Đoàn Sĩ Nguyên          | 18/02/2000 |    | CK21V7K1 | Công nghệ thông tin | Khá        |
| 10  | CK21V7K033 | Trần Hiếu Thuận         | 28/06/1996 |    | CK21V7K1 | Công nghệ thông tin | Khá        |
| 11  | CM1332N140 | Tạ Trọng Tín            | 12/03/1993 |    | CM1332N1 | Luật                | Trung bình |
| 12  | CT1632N066 | Nguyễn Hữu Nghị         | 02/12/1992 |    | CT1632N1 | Luật                | Trung bình |
| 13  | CT1822N554 | Trương Thị Trúc Mai     | 11/11/1996 | N  | CT1822N1 | Quản trị kinh doanh | Khá        |
| 14  | CT1922N516 | Nguyễn Tấn Lộc          | 18/09/1993 |    | CT1922N1 | Quản trị kinh doanh | Khá        |
| 15  | CT1932N532 | Đinh Thị Kim Thi        | 25/05/2001 | N  | CT1932N1 | Luật                | Trung bình |
| 16  | CT20T7Q519 | Thạch Ma Ni             | 05/12/1987 |    | CT20T7Q1 | Kỹ thuật xây dựng   | Khá        |
| 17  | CT20V1Q013 | Nguyễn Xuân Điệp        | 21/03/1987 | N  | CT20V1Q1 | Ngôn ngữ Anh        | Khá        |
| 18  | DC1632N039 | Nguyễn Huyền Trang      | 06/01/1991 | N  | DC1632N1 | Luật                | Trung bình |
| 19  | DC1822N510 | Nguyễn Hữu Trường Giang | 16/10/1996 |    | DC1822N1 | Quản trị kinh doanh | Trung bình |
| 20  | DC1822N717 | Hồ Kim Phương           | 21/12/1998 | N  | DC1822N1 | Quản trị kinh doanh | Trung bình |
| 21  | DC1896N703 | Ngô Gia Bảo             | 16/06/2000 |    | DC1896N1 | Kỹ thuật phần mềm   | Khá        |
| 22  | DC1922N500 | Bành Đức Anh            | 29/10/2001 |    | DC1922N1 | Quản trị kinh doanh | Khá        |
| 23  | DC1922N702 | Đỗ Hoàng Nhựt Tân       | 01/09/2000 |    | DC1922N1 | Quản trị kinh doanh | Khá        |
| 24  | DC1922N703 | Thạch Phước Nguyên      | 17/07/2000 |    | DC1922N1 | Quản trị kinh doanh | Trung bình |
| 25  | DC1922N726 | Khương Vĩnh Quang       | 04/04/1998 |    | DC1922N1 | Quản trị kinh doanh | Khá        |



| Stt | MSSV       | Họ tên                | Ngày sinh  | Nữ | Lớp      | Tên ngành           | Xếp loại   |
|-----|------------|-----------------------|------------|----|----------|---------------------|------------|
| 26  | DC19V1Q535 | Trịnh Thị Xuân        | 20/10/1983 | N  | DC19V1Q3 | Ngôn ngữ Anh        | Khá        |
| 27  | DC21S3P001 | Bùi Đăng Bằng         | 29/04/1989 |    | DC21S3P1 | Kỹ thuật cơ điện tử | Khá        |
| 28  | DC21S3P003 | Lê Công Hậu           | 27/04/1987 |    | DC21S3P1 | Kỹ thuật cơ điện tử | Xuất sắc   |
| 29  | DC21S3P004 | Thái Xuân Long        | 19/01/1989 |    | DC21S3P1 | Kỹ thuật cơ điện tử | Khá        |
| 30  | DC21S3P005 | Trần Chí Nguyên       | 12/03/1995 |    | DC21S3P1 | Kỹ thuật cơ điện tử | Khá        |
| 31  | DC21S3P006 | Huỳnh Trọng Nhân      | 28/05/1991 |    | DC21S3P1 | Kỹ thuật cơ điện tử | Giỏi       |
| 32  | DC21S3P007 | Trần Duy Phước        | 09/05/1990 |    | DC21S3P1 | Kỹ thuật cơ điện tử | Giỏi       |
| 33  | DC21S3P008 | Wai Nguyễn Ngọc Quỳnh | 14/10/1995 | N  | DC21S3P1 | Kỹ thuật cơ điện tử | Giỏi       |
| 34  | DC21S3P009 | Đỗ Thiện Tâm          | 21/09/1988 |    | DC21S3P1 | Kỹ thuật cơ điện tử | Giỏi       |
| 35  | DC21S3P011 | Huỳnh Hoàng Thạnh     | 11/09/1988 |    | DC21S3P1 | Kỹ thuật cơ điện tử | Khá        |
| 36  | DC21S3P012 | Phạm Văn Thát         | 16/06/1992 |    | DC21S3P1 | Kỹ thuật cơ điện tử | Giỏi       |
| 37  | DC21S3P013 | Nguyễn Trung Thiệt    | 19/02/1991 |    | DC21S3P1 | Kỹ thuật cơ điện tử | Khá        |
| 38  | DC21S3P014 | Mai Xuân Tình         | 06/07/1989 |    | DC21S3P1 | Kỹ thuật cơ điện tử | Khá        |
| 39  | DC21S3P015 | Huỳnh Trung Tính      | 21/04/1996 |    | DC21S3P1 | Kỹ thuật cơ điện tử | Khá        |
| 40  | DC21S3P016 | Đặng Văn Tồn          | 19/12/1987 |    | DC21S3P1 | Kỹ thuật cơ điện tử | Giỏi       |
| 41  | DC21S3P017 | Huỳnh Thị Mỹ Xiềng    | 03/08/1996 | N  | DC21S3P1 | Kỹ thuật cơ điện tử | Xuất sắc   |
| 42  | DC21S3P018 | Danh Minh Thành       | 28/03/1996 |    | DC21S3P1 | Kỹ thuật cơ điện tử | Xuất sắc   |
| 43  | DC21V1Q006 | Nguyễn Thế Nhật Anh   | 28/11/1992 |    | DC21V1Q2 | Ngôn ngữ Anh        | Giỏi       |
| 44  | DG1932N322 | Huỳnh Văn Thiệp       | 02/02/1985 |    | DG1932N1 | Luật                | Trung bình |
| 45  | GK1332M039 | Trần Trung Kiên       | 12/08/1986 |    | GK1332M1 | Luật                | Trung bình |
| 46  | KG1632M037 | Nguyễn Công Nguyên    | 09/07/1986 |    | KG1632M1 | Luật                | Trung bình |
| 47  | LA1532N537 | Nguyễn Trọng Phát     | 17/02/1992 |    | LA1532N1 | Luật                | Trung bình |
| 48  | ND1732N536 | Trần Ngọc Mỹ Tiên     | 25/03/1999 | N  | ND1732N1 | Luật                | Trung bình |
| 49  | ST1532N012 | Nguyễn Minh Giàu      | 14/02/1993 |    | ST1532N1 | Luật                | Trung bình |
| 50  | ST1532N053 | Huỳnh Thanh Tươi      | 22/12/1983 |    | ST1532N1 | Luật                | Trung bình |
| 51  | ST1532M587 | Nguyễn Mai Ngọc Quý   | 13/11/1990 |    | ST1532N2 | Luật                | Trung bình |
| 52  | ST1732N541 | Trần Lâm Quốc Thái    | 24/12/1995 |    | ST1732N2 | Luật                | Trung bình |

| Stt | MSSV       | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nữ | Lớp      | Tên ngành | Xếp loại |
|-----|------------|------------------------|------------|----|----------|-----------|----------|
| 53  | VL1932M316 | Phan Văn Khánh         | 13/06/1988 |    | VL1932M1 | Luật      | Khá      |
| 54  | VL1932M358 | Bùi Minh Quân          | 04/12/1991 |    | VL1932M1 | Luật      | Khá      |
| 55  | VT1932N513 | Trần Quang Quyền       | 14/02/1997 |    | VT1932N1 | Luật      | Khá      |
| 56  | VT1932N521 | Lê Thị Xuân            | 30/11/1991 | N  | VT1932N1 | Luật      | Khá      |
| 57  | VT1932N524 | Trương Ngọc Oanh       | 30/11/2001 | N  | VT1932N1 | Luật      | Khá      |
| 58  | VT1932N535 | Nguyễn Thị Huỳnh Nhung | 10/10/1986 | N  | VT1932N1 | Luật      | Khá      |

**LẬP BẢNG**

**Võ Minh Trí**

**TL. HIỆU TRƯỞNG  
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM LIÊN KẾT ĐÀO TẠO**



**Phạm Phương Tâm**